| UBND THÀNH PHỐ ……….**TRƯỜNG MN ………….**  Số: …./KH-MN |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tư do – Hạnh phúc** *………., ngày … tháng … năm 20…* |
| --- | --- |

**KẾ HOẠCH BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN**

**NĂM HỌC 20… - 20…**

Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế bồi dưỡng thường xuyên đối với cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên.

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non

Thông tư số 12/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Bộ GD&ĐT ban hành chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non;

 Trường Mầm non ……… lập kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) cho CBQL và giáo viên năm học 20… - 20… như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG:**

 **1. Tình hình nhà trường:**

 - Tổng số CBGV: ………..

 + CBQL: …………..; Trình độ Thạc sĩ: …….

 + Tổ chuyên môn: ………..

 + Giáo viên: ……………….

 **2. Tình hình tổ chuyên môn**

 Trường có 4 tổ chuyên môn:

 + Tổ chuyên môn khối nhà trẻ

+ Tổ chuyên môn khối 3-4 tuổi

 + Tổ chuyên môn khối 4-5 tuổi

 + Tổ chuyên môn khối 5-6 tuổi

**3. Những thuận lợi, khó khăn**:

 **a. Thuận lợi**:

 Được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền Địa phương, sự đồng tình ủng hộ của phụ huynh học sinh, sự chỉ đạo của bộ phận chuyên môn Phòng giáo dục đào tạo.

Trường Mầm Non ……………….. tập trung một điểm trường, thuận lợi cho việc chỉ đạo, học tập trung, kiểm tra, đánh giá.

Đội ngũ giáo viên trẻ, nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ. Trình độ chuẩn 100% , trên chuẩn; 96%

 **b. Khó khăn:**

 Các phòng học chật hẹp, không đủ diện tích cho trẻ hoạt động nên việc giáo dục trẻ còn gặp khó khăn.

 Từ những thuận lợi và khó khăn trên, trường Mầm Non …………. cố gắng phát huy các mặt mạnh trong những năm qua, đồng thời tìm ra các giải pháp triển khai tốt công tác bồi dưỡng thường xuyên, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ ngày một đi lên đáp ứng với yêu cầu đổi mới của Đất nước nói chung, và ngành học mầm non nói riêng.

 **II. Mục đích bồi dưỡng:**

1. Giáo viên học tập bồi dưỡng thường xuyên để cập nhật kiến thức về chính trị, kinh tế - xã hội, bồi dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, phát triển năng lực dạy học, năng lực giáo dục và những năng lực khác theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên, yêu cầu nhiệm vụ năm học, yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương, yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục trong đơn vị.

Nhằm trang bị kiến thức về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, về đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát triển giáo dục mầm non, chương trình, kiến thức các môn học, hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục mầm non.

2. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, nâng cao mức độ đáp ứng với yêu cầu phát triển giáo dục mầm non và yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

3. Bồi dưỡng thường xuyên mục đích làm cho đội ngũ giáo viên luôn đạt chuẩn theo quy định và nâng cao nhận thức, phấn đấu thực hiện tốt nội dung và nhiệm vụ được giao trong năm học.

**III. Nguyên tắc:**

1. Bảo đảm tất cả CBQL và giáo viên đều được tham gia bồi dưỡng. Nội dung bồi dưỡng bám sát chương trình; thực hiện đúng Quy chế BDTX của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

 2. Bồi dưỡng trọng tâm, tập trung vào các vấn đề mới, vấn đề thực tiễn gặp khó khăn; bảo đảm được tính kế thừa, hệ thống; không gây quá tải cho giáo viên.

 3. Phát huy vai trò nòng cốt của nhà trường trong việc tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo các hình thức tự học cá nhân, học tập theo nhóm, tổ chuyên môn.

 4. Nhà trường chuẩn bị đầy đủ điều kiện trước khi tổ chức bồi dưỡng.

5. Các khối kiến thức bồi dưỡng (bắt buộc và tự chọn) đều được đánh giá. Kết quả đánh giá làm cơ sở xét thi đua giáo viên cuối năm học.

**IV. Đối tượng BDTX.**

Cán bộ quản lý và tất cả giáo viên trong toàn trường

**V. Nội dung, thời lượng bồi dưỡng:**

**1. Thời lượng bồi dưỡng:**

Mỗi nội dung bồi dưỡng có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ giáo dục của địa phương nhưng tổng thời lượng BDTX đối với CBQL, giáo viên mỗi năm học đảm bảo 120 tiết.

**2. Nội dung bồi dưỡng:**

**2.1. Khối kiến thức bắt buộc:**

**2.1.1. Nội dung bồi dưỡng 1:**

 Đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học bậc MN

 Thời lượng: 40 tiết/năm học/giáo viên.

\* Nội dung: Thực hiện chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cụ thể cho từng năm học, bao gồm các nội dung bồi dưỡng về đường lối, chính sách phát triển giáo dục của cấp học, chương trình, kiến thức cho các môn học, hoạt động giáo dục thuộc chương trình giáo dục theo bậc học mầm non

 Cụ thể như sau:

| **STT** | **Nội dung bồi dưỡng** | **Thời gian** | **Thời lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | Hướng dẫn tổ chức hoạt động khám phá khoa học qua thực hành trải nghiệm; | 10/2024 | 10 tiết |
| **2** | Hướng dẫn về giáo dục STEM/STEAM trong GDMN; | 10/2024 | 10 tiết |
| **3** | Hướng dẫn tổ chức các hoạt động giáo dục cảm xúc cho trẻ mầm non thông qua trải nghiệm trong các cơ sở GDMN; | 10/2024 | 10 tiết |
| **4** | Xây dựng môi trường giáo dục phát huy tính tích cực cho trẻ mầm non; | 10/2024 | 10 tiết |

 **2.1**.**2. Nội dung bồi dưỡng 2:**

 Bồi dưỡng chính trị, thời sự, nghị quyết, chính sách, chủ trương của Đảng, pháp luật nhà Nước

Bồi dưỡng các nội dung về đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành giáo dục nói chung và bậc học mầm non nói riêng.

 Thời lượng: 40 tiết/năm học/giáo viên.

 Nội dung:

Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên, các nội dung về đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở GD&ĐT Bắc Ninh, Phòng GD&ĐT Từ Sơn. Cụ thể như sau:

| **STT** | **Nội dung bồi dưỡng** | **Thời gian** | **Thời lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1** | Bồi dưỡng chuyên đề năm 2024 “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên góp phần xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững” | 11/2024 | 10 tiết |
| **2** | Hướng dẫn công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non. | 11/2024 | 10 tiết |
| **3** | Phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non; | 11/2024 | 10 tiết |
| **4** | Phát triển năng lực số cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non. | 11/2024 | 10 tiết |

**3. Nội dung bồi dưỡng 3:**

Đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của giáo viên.

Thời lượng: 40 tiết/năm học/giáo viên.

 Nội dung: Đây là khối kiến thức tự chọn gồm các mô đun bồi dưỡng theo thông tư nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp của cán bộ quản lý và giáo viên MN.

 Mỗi CBQL, giáo viên tự lựa chọn 2 mô đun để bồi dưỡng trong năm học, đảm bảo thời lượng 40 tiết/năm học theo Thông tư số 11/2019 và thông tư 12/2019 ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường tổng hợp và lựa chọn 2 modun được CBQL, GV đăng ký nhiều nhất để bồi dưỡng theo kế hoạch.

Danh sách cán bộ, giáo viên đăng ký bồi dưỡng các Modul:

| **STT** | **Họ tên** | **Chức vụ** | **Modun theo thông tư 11/2019 của Bộ GD – ĐT** | **Modun theo thông tư 12/2019 của Bộ GD – ĐT** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |  |  |
| 11 |  |  |  |  |  |  |
| 12 |  |  |  |  |  |  |
| 13 |  |  |  |  |  |  |
| 14 |  |  |  |  |  |  |
| 15 |  |  |  |  |  |  |
| 16 |  |  |  |  |  |  |
| 17 |  |  |  |  |  |  |
| 18 |  |  |  |  |  |  |
| 19 |  |  |  |  |  |  |
| 20 |  |  |  |  |  |  |
| 21 |  |  |  |  |  |  |
| 22 |  |  |  |  |  |  |
| 23 |  |  |  |  |  |  |
| 24 |  |  |  |  |  |  |
| 25 |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng 25 đ/c cán bộ, giáo viên** |  |  |  |  |

**+/ Yêu cầu cụ thể ở bảng sau:**

| **Thực hành Mã mô đun** | **Tên và nội dung mô đun** | **Mục tiêu bồi dưỡng** | **Thời lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
|
| **Lý thuyết** | **Thực hành** |
|
|
| **QLMN 30** | **Quyền trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ trong cơ sở GDMN**1. Những vấn đề cơ bản về quyền trẻ em.2. Các quyền trẻ em trong công ước Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em và trong Luật trẻ em ở Việt Nam.3. Quản lý bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN: Cách thức xử lý vi phạm đối với người vi phạm bạo hành trẻ em; cách thức chỉ đạo bảo vệ trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở GDMN; Cách thức giáo dục kỷ luật tích cực. | - Phân tích được sự cần thiết của quyền trẻ em và phòng chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN.- Vận dụng các kiến thức trang bị để đánh giá được thực trạng xử lý vi phạm bạo hành trẻ em và áp dụng các biện pháp hữu hiệu trong chỉ đạo bảo vệ trẻ em và phòng, chống bạo hành trẻ em trong các cơ sở GDMN.- Xây dựng được kế hoạch phòng chống bạo hành trẻ em trong cơ sở GDMN và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN về phòng chống bạo hành trẻ em trong nhà trường. | 10 | 10 |
| **QLMN****35** | **Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ sở GDMN**1. Vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý cơ sở GDMN.2. Những phần mềm và hệ điều hành cơ bản trong quá trình quản lý cơ sở GDMN.3. Lập kế hoạch và tổ chức quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường hiệu quả.4. Một số tình huống trong quá trình quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ sở GDMN và cách giải quyết.5. Kiểm tra, đánh giá việc quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở cơ sở GDMN. | - Phân tích được vai trò và ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong trường mầm non; Xử lý và quản lý thuần thục các hệ điều hành, phần mềm cần thiết trong cơ sở GDMN.- Vận dụng kiến thức được trang bị đề xuất biện pháp quản lý hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường.- Xây dựng kế hoạch quản lý và tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường hiệu quả và hỗ trợ CBQL cơ sở GDMN quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường. | 10 | 10 |
| **GVMN 28** | **Phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em**1. Mục đích, ý nghĩa của phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em.2. Hướng dẫn phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em. | - Phân tích được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc phối hợp nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em.- Vận dụng kiến thức được trang bị trong tổ chức phối hợp giữa gia đình- nhà trường và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em.- Đề xuất được một số biện pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em. | 10 | 10 |
| **GVMN 34** | **Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhóm, lớp ở cơ sở GDMN**1. Ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong quản lý nhóm lớp.2. Hướng dẫn sử dụng CNTT để quản lí nhóm, lớp.3. Thực hành sử dụng 1 số phần mềm thông dụng trong nâng cao hiệu quả quản lý nhóm, lớp. | - Phân tích được vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT trong quản lý nhóm/lớp MN.- Vận dụng kiến thức được trang bị để ứng dụng CNTT vào nâng cao hiệu quả quản lý nhóm/ lớp MN.- Hỗ trợ đồng nghiệp nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong quản lý nhóm, lớp MN. | 10 | 10 |

**VI. Hình thức bồi dưỡng thường xuyên**

**1.** Bồi dưỡng thường xuyên bằng tự học (tự bồi dưỡng) của giáo viên kết hợp với các sinh hoạt tập thể về chuyên môn, nghiệp vụ tại tổ bộ môn của nhà trường, liên trường hoặc cụm trường.

**2.** Bồi dưỡng thường xuyên tập trung nhằm hướng dẫn tự học, thực hành, hệ thống hóa kiến thức, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn những nội dung bồi dưỡng thường xuyên khó đối với giáo viên; đáp ứng nhu cầu của giáo viên trong học tập bồi dưỡng thường xuyên; tạo điều kiện cho giáo viên có cơ hội được trao đổi về chuyên môn, nghiệp vụ và luyện tập kỹ năng.

**3.** Bồi dưỡng thường xuyên theo hình thức học tập từ xa (qua mạng Internet).

**4.** Bồi dưỡng theo hình thức tổ chức chuyên đề, hội thảo, tổ chức lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho CBQL và GV tùy theo nội dung bồi dưỡng của bậc học.

 **VII. Tổ chức thực hiện**

1. Trách nhiệm của Hiệu trưởng (CBQL).

 Triển khai, hướng dẫn giáo viên lập kế hoạch BDTX cá nhân.

 Phê duyệt kế hoạch BDTX của giáo viên và tổ chức triển khai kế hoạch BDTX giáo viên của nhà trường.

Tổ chức đánh giá, tổng hợp, xếp loại, báo cáo kết quả BDTX của giáo viên về Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

 Thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước đối với giáo viên tham gia BDTX.

 Đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc xử lý đối với cá nhân có thành tích hoặc vi phạm trong thực hiện công tác bồi dưỡng.

 2. Trách nhiệm của giáo viên.

Xây dựng và hoàn thành kế hoạch BDTX của cá nhân, trình Hiệu trưởng phê duyệt; nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về BDTX của nhà trường.

 Báo cáo nhóm, tổ bộ môn, lãnh đạo nhà trường kết quả thực hiện kế hoạch BDTX của cá nhân và việc vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học tập BDTX vào quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trên đây là kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên năm học 2024– 2025 của Trường Mầm non …………………../.

**PHÓHIỆU TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- GV toàn trường (để t/h);

- Lưu VT.